

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Ông Đặng Song Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 241/2019/TLST-DS ngày 16/7/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Ngọc T (tên gọi khác TT), sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số 442/1/25A5 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Trí Th, sinh năm: 1959.
Địa chỉ: Số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trịnh Ngọc T trình bày:

Ông T và bà L là hàng xóm với nhau. Ông T có cho bà L vay số tiền là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), vay nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 15/7/2015 bà L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày

15/7/2015, thời hạn vay là hai tháng; Ngày 27/8/2015 bà L vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày 27/8/2015, không thỏa thuận thời hạn vay và ngày 06/7/2017 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận số tiền vay là 32.000.000đ của 03 lần vay là ngày 30 vay 7.000.000đ, ngày 04 vay 5.000.000đ, ngày 06 vay 20.000.000đ. Các “Giấy vay tiền” nêu trên đều do bà L viết, ký tên và không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 5%/tháng. Từ khi vay đến nay bà L chưa trả tiền gốc cho ông T, về lãi suất bà L đã đóng lãi đối với 02 khoản vay ngày 15/7/2015 và ngày 27/8/2015 là 20.000.000đ kể từ khi vay đến khoảng tháng 4/2017 và từ đó đến nay không đóng lãi nữa, còn khoản vay là 32.000.000đ kể từ khi vay đến nay bà L chưa đóng lãi cho ông T.

Số tiền 52.000.000đ ông T cho cá nhân bà L vay riêng, chồng bà L là ông Vũ Trí Th không biết khoản vay này, ông Th không liên quan đến việc ông T cho bà L vay tiền, ông T không yêu cầu ông Th phải liên đới trả số tiền nợ nêu trên cho ông T. Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền vay nêu trên nhưng bà L không trả.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng) theo các “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, ngày 27/8/2015, ngày 06/7/2017; Ông T không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi suất vay đối với số tiền nợ gốc là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

(Bl 31, 32 tập 2; Bl 52, 53 tập 6 và Biên bản phiên tòa).

2. Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Tuyết L trình bày:

Bà L và ông T là hàng xóm với nhau. Do cần tiền nên bà L vay tiền của ông T, vay nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 15/7/2015 bà L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, thời hạn vay là hai tháng; Ngày 27/8/2015 bà L vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày 27/8/2015, không thỏa thuận thời hạn vay và ngày 06/7/2017 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận số tiền vay là 32.000.000đ của 03 lần vay là ngày 30 vay 7.000.000đ, ngày 04 vay 5.000.000đ, ngày 06 vay 20.000.000đ. Các “Giấy vay tiền” nêu trên đều do bà L viết, ký tên và không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 15%/tháng, 30%/ngày, bà L phải trả cả hai mức lãi suất này trên số tiền vay. Bà L đã trả lãi cho ông T đến hết tháng 4/2017, từ tháng 5/2017 đến nay không trả lãi nữa. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ chứng minh việc hai bên thỏa thuận bằng miệng và bà L đóng lãi suất là 15%/tháng, 30%/ngày đối với số tiền vay nêu trên. Bà L không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đã đóng cho ông T theo lãi suất quy định pháp luật.

Số tiền 52.000.000đ bà L vay của ông T với mục đích tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những người khác trước đó. Bà L vay tiền của ông T thì chồng bà L là ông Vũ Trí Th không biết, ông Th không liên quan đến việc bà L vay tiền của ông T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà L đồng ý trả tổng số tiền vay là 52.000.000đ cho ông T, nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho ông T.

(Bl 39, 47 tập 4 ; Bl 51, 52 tập 6 và Biên bản phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Trí Th trình bày: Ông Th và bà L là vợ chồng. Việc bà L vay tổng số tiền là 52.000.000đ của ông T thì ông Th

không biết và số tiền bà L vay sử dụng vào việc gì thì Ông cũng không biết, bà L không mang số tiền vay đó về để sử dụng sinh hoạt trong gia đình cũng như không sử dụng vào bất cứ việc gì trong gia đình, nên việc bà L vay tiền ông T nêu trên không liên quan đến ông Th và ông Th không đồng ý trả số tiền 52.000.000đ mà bà L vay của ông T.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà L thừa nhận có vay và hiện nay còn nợ ông T số tiền là 52.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà L trả số tiền vay là 52.000.000đ cho ông T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T buộc bị đơn bà L trả số tiền vay là 52.000.000đ cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông T khởi kiện bà Nguyễn Tuyết L có địa chỉ tại số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông T yêu cầu bà L trả số tiền vay nên đây là quan hệ về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Trí Th có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên tiến hành giải quyết vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu: Ông T cho bà L vay tổng số tiền là 52.000.000đ có viết các “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, 27/8/2015, 06/7/2017. Trong ba “Giấy vay tiền” nêu trên có “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015 hai bên thỏa thuận thời hạn vay là hai tháng trả tiền vay, nhưng hết thời hạn hai tháng bà L không trả theo như thỏa thuận mà xin vay lại tiếp, đóng lãi hàng tháng và được ông T đồng ý, việc vay lại số tiền này hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay. Việc thỏa thuận vay lại số tiền 10.000.000đ theo “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015 được ông T và bà L thừa nhận thể hiện tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 03/10/2019, ngày 04/10/2019 và tại phiên tòa. Do đó, thời gian vay số tiền 10.000.000đ này được tính lại từ sau ngày hết thời hạn vay theo “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015 và được xác định vay không kỳ hạn. Đối với khoản vay ngày 27/8/2015 và ngày 06/7/2017 không thỏa thuận về thời hạn vay nên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn. Như vậy, ngày 09/7/2019 ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả tiền vay cho ông T là vẫn còn thời hiệu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà L trả tổng số tiền vay là 52.000.000đ thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm

nay bị đơn bà L thừa nhận có vay của ông T tổng số tiền là 52.000.000đ, vay nhiều lần cụ thể: Ngày 15/7/2015 bà L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, thời hạn vay là hai tháng; Ngày 27/8/2015 bà L vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có viết “Giấy vay tiền” ngày 27/8/2015, không thỏa thuận thời hạn vay và ngày 06/7/2017 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận số tiền vay là 32.000.000đ của 03 lần vay là ngày 30 vay 7.000.000đ, ngày 04 vay 5.000.000đ, ngày 06 vay 20.000.000đ. Cả ba “Giấy vay tiền” nêu trên bà L thừa nhận do chính bà L viết, ký tên và hiện nay đang do ông T giữ bản chính. Như vậy, việc bà L vay và còn nợ ông T tổng số tiền là 52.000.000đ như bà L thừa nhận là đúng với yêu cầu khởi kiện của ông T cũng như đúng với chứng cứ mà ông T cung cấp là các “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, 27/8/2015, 06/7/2017. Số tiền 52.000.000đ ông T cho bà L vay là tiền của một mình ông T, ông T độc thân. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà L trả tổng số tiền vay là 52.000.000đ cho ông T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các vấn đề khác:

[4.1] Cả ông T và bà L đều xác nhận số tiền bà L vay nêu trên là một mình cá nhân bà L vay để sử dụng việc riêng của bà L không liên quan đến ông Vũ Trí Th là chồng bà L và ông T chỉ cho mình bà L vay không cho ông Th vay, ông Th không biết việc ông T cho bà L vay tiền. Đồng thời, ông T không yêu cầu ông Th phải trả số tiền vay nêu trên cùng với bà L. Xét thấy nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm trả số tiền bà L vay cho ông T, nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Th.

[4.2] Về lãi suất: Đối với số tiền vay 52.000.000đ thì trong các “Giấy vay tiền” ngày 15/7/2015, ngày 27/8/2015, ngày 06/7/2017 không thỏa thuận về lãi suất vay, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không thống nhất về lãi suất vay. Đồng thời, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu giải quyết về lãi suất vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận là 2.600.000đ (52.000.000đ x 5%). Tuy nhiên, xét “Đơn xin miễn án phí” ngày 24/10/2019 của bà L thì thấy bà L sinh năm 1959 hiện nay 60 tuổi là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T (TT) đối với bị đơn bà Nguyễn Tuyết L.

Buộc bà Nguyễn Tuyết L phải trả cho ông Trịnh Ngọc T số tiền vay là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Tuyết L được miễn tiền án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001002 ngày 16/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng

